

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: Toán – Tin – Công nghệ

NĂM HỌC : 2022-2023

**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ
HỌC KÌ I-NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN TOÁN

KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1. Nêu các quy tắc nhân đơn thức với đa thức, đa thức với đa thức.

Câu 2. Phát biểu và nêu công thức 7 hằng đẳng thức đáng nhớ

Câu 3. Nêu định nghĩa tứ giác, định lý tổng các góc trong 1 tứ giác

Câu 4. Nêu định nghĩa hình thang, hình thang cân, tính chất và dấu hiệu nhận biết hình thang cân.

Câu 5. Nêu định nghĩa, tính chất đường trung bình của tam giác, hình thang

Câu 6. Nêu định nghĩa, tính chất và dấu hiệu nhận biết hình bình hành

Câu 7. Nêu định nghĩa về 2 điểm đối xứng với nhau qua 1 đường thẳng, qua 1 điểm. Tính chất của các hình đối xứng với nhau qua 1 điểm, qua 1 đường thẳng.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

A. Trắc nghiệm : Chọn phương án trả lời đúng trong mỗi câu sau:

Câu 1. Thực hiện phép nhân $x(x^2 + 2x - 3)$ ta được :

A. $x^3 + x^2 - 3x$

B. $x^3 + 2x^2 - 3x$

C. $x^3 - 2x^2 + 3x$

D. $x^3 - x^2 - 3x$

Câu 2. Thực hiện phép nhân $(x-3)(x+5)$ ta được:

A. $x^2 - 8x - 8$

B. $x^2 + 2x + 2$

C. $x^2 + 2x + 15$

D. $x^2 + 2x - 15$

Câu 3. Thực hiện phép nhân : $-x(x^3 + x - 2)$ ta được :

A. $-x^4 - x^2 + 2x$

C. $-x^4 + x^2 - 2x$

B. $x^4 - x^2 + 2x$

D. $x^4 + x^2 + 2x$

Câu 4. Biểu thức: $x^2 - 2xy + y^2$ viết dưới dạng bình phương của một tổng hoặc một hiệu là :

A. $x^2 + y^2$

B. $(x - y)^2$

C. $y^2 - x^2$

D. $x^2 - y^2$

Câu 5. Biểu thức : $4x^2 + 4x + 1$ viết dưới dạng bình phương của một tổng hoặc một hiệu là:

- A. $(2x + 1)^2$ B. $(4x - 1)^2$ C. $(4x + 1)^2$ D. $(2x - 1)^2$

Câu 6. Biểu thức $25x^2 - 49$ viết dưới dạng tích là:

- A. $(5x - 7)^2$ B. $(25x - 49)(25x + 49)$
C. $(5x - 7)(5x + 7)$ D. $(5x - 7)(5x - 7)$

Câu 7. Kết quả của phép tính : $(2x - 1)(4x^2 + 2x + 1)$ là:

- A. $2x^3 - 1$ B. $8x^3 + 1$ C. $8 - x^3$ D. $8x^3 - 1$

Câu 8. Biểu thức $x^3 - 9x^2 + 27x - 27$ viết dưới dạng tích là :

- A. $(x + 3)^3$ B. $(x - 3)^3$ C. $x^3 - 3^3$ D. $x^3 + 3^3$

Câu 9. Kết quả phân tích đa thức $8x^3 + 12x^2 + 6x + 1$ thành nhân tử :

- A. $(2x - 1)^3$ B. $(2x + 1)^3$
C. $(8x + 1)^3$ D. $(8x - 1)^3$

Câu 10. Kết quả phân tích đa thức $14x^2y - 21xy^2 + 28x^2y^2$ thành nhân tử:

- A. $7xy(2x - 3y + 4xy)$ B. $xy(14x - 21y + 28xy)$
C. $7x^2y(2 - 3y + 4xy)$ D. $7x^2y(2x - 3y + 4x)$

Câu 11. Tổng số đo bốn góc của một tứ giác bằng:

- A. 90° B. 180° C. 270° D. 360°

Câu 12. Tứ giác ABCD có $\hat{A} = 65^\circ$; $\hat{B} = 117^\circ$; $\hat{C} = 71^\circ$ thì $\hat{D} = ?$

- A. 119° B. 107° C. 63° D. 126°

Câu 13: Cho hình thang ABCD ($AB \parallel CD$), nếu $\hat{A} = 36^\circ$; $\hat{C} = 117^\circ$ thì số đo góc B và D lần lượt là:

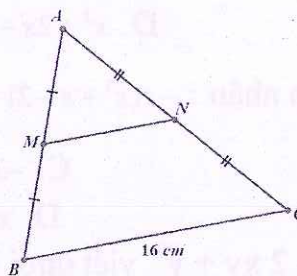
- A. $63^\circ; 144^\circ$ B. $144^\circ; 63^\circ$ C. $124^\circ; 53^\circ$ D. $104^\circ; 73^\circ$

Câu 14. Trong các phát biểu dưới đây, phát biểu **Sai** là :

- A. Hình thang có hai cạnh bên bằng nhau là hình thang cân
B. Hình thang có 2 đường chéo bằng nhau là hình thang cân.
C. Hình thang có 2 góc kề 1 đáy bằng nhau là hình thang cân
D. Hình thang có 2 cạnh đáy bằng nhau thì hai cạnh bên song song và bằng nhau.

Câu 15: Cho hình vẽ . Độ dài đoạn thẳng MN là

- A. 4cm
B. 8cm
C. 12cm
D. 16cm



Câu 16. Cho $\triangle ABC$. Gọi E là trung điểm AB, F là trung điểm của BC. Biết $EF = 5$ cm. Độ dài đoạn thẳng AC là:

A. 5cm

B. 2,5 cm

C. 10cm

D. 7cm

B. Tự luận

Bài 1. Thực hiện phép nhân:

$$1/ \quad 3x^4 \left(-2x^3 + 5x^2 - \frac{2}{3}x + \frac{1}{3} \right)$$

$$4/ \quad (-5x + 2)(-3x - 4)$$

$$2/ \quad -5x^2y^4(3x^2y^3 - 2x^3y^2 - xy)$$

$$5/ \quad (x - 5)(-x^2 + x + 1)$$

$$3/ \quad (3x + 5)(2x - 7)$$

$$6/ \quad (x^2 - 2x - 1)(x - 3)$$

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

$$1) \quad (x + 1)(x^2 + 2x + 4) - x^2(x + 3) \text{ với } x = -\frac{10}{3}$$

$$2) \quad 6x(2x - 7) - (3x - 5)(4x + 7) \text{ tại } x = -2$$

$$3) \quad (x - 3)(x + 3) - (x + 2)(x - 1) \text{ tại } x = \frac{1}{3}$$

$$4) \quad x^3 - 9x^2 + 27x - 27 \text{ với } x = 5$$

$$5) \quad x^3 + y^3 - 3x^2 + 3xy - 3y^2 \text{ biết } x + y = 3$$

$$6) \quad (x - 10)^2 - x(x + 80) \text{ với } x = 0,98$$

Bài 3. Chứng minh rằng giá trị của các biểu thức sau không phụ thuộc vào giá trị của biến:

$$1/ \quad 5x^2 - (2x + 1)(x - 2) - x(3x + 3) + 7$$

$$2/ \quad (3x - 1)(2x + 3) - (x - 5)(6x - 1) - 38x$$

$$3/ \quad (5x - 2)(x + 1) - (x - 3)(5x + 1) - 17(x - 2) \quad 4/ \quad (y - 5)(y + 8) - (y + 4)(y - 1)$$

Bài 4. Phân tích các đa thức sau thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung

$$1). \quad 2x^2 - 4x$$

$$2). \quad 3x - 6y$$

$$3). \quad x^2 - 3x$$

$$4). \quad 4x^2 - 6x$$

$$5). \quad x^3 - 4x$$

$$6). \quad 9x^3y^2 + 3x^2y^2$$

$$7). \quad x^3 + 2x^2 + 3x$$

$$8). \quad 6x^2y + 4xy^2 + 2xy$$

$$9). \quad 5x^2(x - 2y) - 15x(x - 2y)$$

$$10). \quad 3(x - y) - 5x(y - x) \quad 11). \quad 3x(x - 1) + 5(1 - x) \quad 12). \quad 2(2x - 1) + 3(1 - 2x)$$

Bài 5. Phân tích các đa thức sau thành nhân tử bằng phương pháp dùng hằng đẳng thức

$$a) \quad 4x^2 - 12x + 9$$

$$b) \quad 4x^2 + 4x + 1$$

$$c) \quad 1 + 12x + 36x^2$$

$$d) \quad -x^2 + 10x - 25$$

$$e) \quad 25x^2 - 20xy + 4y^2$$

$$f) \quad 25x^4 - 10x^2y + y^2$$

$$g) \quad (x - 1)^2 - 16$$

$$h) \quad (x - 4)^2 - 25x^2$$

$$i) \quad (2x + 5)^2 - (x - 9)^2$$

$$k) \quad (3x + 1)^2 - 4(x - 2)^2$$

$$l) \quad 8x^3 - 64$$

$$m) \quad 125x^3 + 1$$

$$n) \quad x^3 + 6x^2 + 12x + 8$$

$$o) \quad x^3 - 3x^2 + 3x - 1$$

$$p) \quad 1 - 9x + 27x^2 - 27x^3$$

Bài 6. Phân tích các đa thức sau thành nhân tử bằng phương pháp nhóm hạng tử.

- a) $x^2 - x - y^2 - y$ b) $x^2 - 2xy + y^2 - z^2$; c) $5x - 5y + ax - ay$;
d) $a^3 - a^2x - ay + xy$; e) $2x + 2y - x^2 - xy$ f) $x^2 - y^2 - 2x + 2y$
g) $a^2 - 2a + 1 - b^2$ h) $x^2 + 2xy + y^2 - 81$; i) $x^2 + 6x + 9 - y^2$
k) $9x^2 - 6x + 1 - 25y^2$; l) $4x^2 - y^2 + 8y - 16$;

Bài 7. Tìm x

- a) $x(x-5) - 2(x-5) = 0$; b) $3x(x-4) - x + 4 = 0$; c) $x(x-7) - 2(7-x) = 0$;
d) $2x(2x+3) - 2x - 3 = 0$; e) $x^2 + 10x + 25 = 0$ f) $x^2 - x + \frac{1}{4} = 0$;
g) $x^2 - 18x + 81 = 0$; h) $x^3 - 9x^2 + 27x - 27 = 0$ k) $16x^2 - 1 = 0$;
l) $x^3 - x = 0$; m) $4x^2 - (x-2)^2 = 0$; n) $x^3 - 25x = 0$;
o) $(4-x)^2 - 16 = 0$; p) $25 - (3-x)^2 = 0$ q) $x^2 - 6x + 9 - 16 = 0$;

Bài 8*. Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức:

$$A = x^2 - 20x + 101$$

$$B = 2x^2 + 40x - 1$$

$$C = x^2 - 4xy + 5y^2 - 2y + 28$$

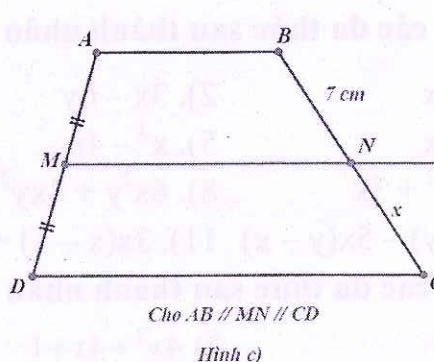
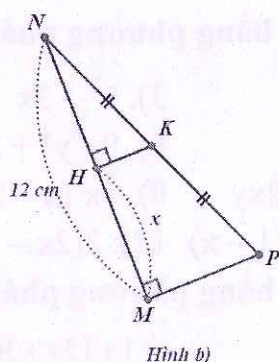
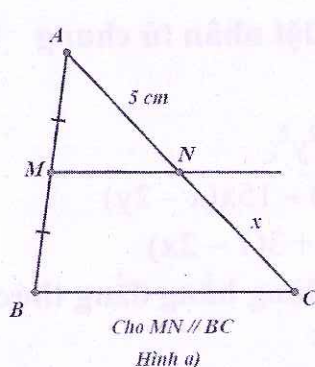
Bài 9*. Tính giá trị lớn nhất của biểu thức:

$$A = 4x - x^2 + 3$$

$$B = x - x^2$$

PHẦN HÌNH HỌC

Bài 1: Tìm x trong các hình vẽ sau



Bài 2.

Cho tam giác nhọn ABC, các đường cao BD, CE cắt nhau tại H. Đường vuông góc với AB tại B và đường vuông góc với AC tại C cắt nhau tại K.

- a) Chứng minh AH vuông góc với BC
b) Chứng minh tứ giác BHCK là hình bình hành

- c) Gọi I là trung điểm của AK, M là trung điểm của BC. Chứng minh ba điểm H, M, K thẳng hàng và $IM = \frac{AH}{2}$

Bài 3. Cho $\triangle ABC$ nhọn, $AB < AC$. Các đường cao BE, CF cắt nhau tại H. Gọi M là trung điểm của BC. Kẻ Bx, Cy lần lượt vuông góc với AB, AC chúng cắt nhau tại K.

1. Chứng minh tứ giác BHCK là hình bình hành và H, M, K thẳng hàng
2. Gọi I là điểm đối xứng với H qua BC. Chứng minh tứ giác BIKC là hình thang cân.
3. Gọi G là giao điểm của BK và HI, $\triangle ABC$ phải có thêm điều kiện gì để tứ giác GHCK là hình thang cân

Bài 4. Cho tam giác ABC có 3 góc nhọn và $AB < AC$. Các đường cao BE, CF cắt nhau tại H. Gọi M là trung điểm của BC. Trên tia đối của MH lấy điểm K sao cho $HM = MK$.

- a) Chứng minh: Tứ giác BHCK là hình bình hành.
- b) Chứng minh $BK \perp AB$ và $CK \perp AC$
- c) Gọi I là điểm đối xứng với H qua BC. Chứng minh: Tứ giác BIKC là hình thang cân
- d) BK cắt HI tại G. Tam giác ABC phải có thêm điều kiện gì để tứ giác GHCK là hình thang cân.

Bài 5 : Cho hình bình hành ABCD, trên tia đối AD lấy điểm E sao cho $AE = AD$. Gọi F là giao của EC và AB.

- a) Chứng minh F là trung điểm EC
- b) Chứng minh EBCA là hình bình hành
- c) Trên tia đối CD lấy điểm T sao cho $TC = CD$. Chứng minh ba điểm T, B, E thẳng hàng

Ban giám hiệu duyệt



Nguyễn Thị Thu Hằng

Tổ trưởng

Phạm Hải Yến

Nhóm trưởng

Nguyễn Thị Hương Giang

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN: NGHỀ TIN – KHỐI 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến tuần 06:

- Khái niệm về thông tin và biểu diễn thông tin.
- Khái niệm về phần mềm máy tính.
- Những ứng dụng của Tin Học.
- Giới thiệu về máy tính.
- Khái niệm hệ điều hành.
- Tập và quản lý tập.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thông tin là gì? Dữ liệu là gì? Các dạng thông tin? Đơn vị đo thông tin ?

Câu 2: Phần mềm hệ thống là gì? Các phần mềm ứng dụng ?

Câu 3: Những ứng dụng của tin học?

Câu 4: Cấu trúc của máy tính ? Bộ xử lý trung tâm và các bộ nhớ ? Các thiết bị vào, ra của máy tính ?

Câu 5: Khái niệm hệ điều hành máy tính ?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Trắc nghiệm khách quan: Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Mọi thông tin muốn có được, con người sẽ phải tốn rất nhiều tiền.
- B. Thông tin là kết quả của việc xử lý dữ liệu để nó trở nên có ý nghĩa.
- C. Không có sự phân biệt giữa thông tin và dữ liệu.
- D. Dữ liệu chỉ có trong máy tính, không tồn tại bên ngoài máy tính.

Câu 2: Chức năng bộ nhớ của máy tính là gì?

- A. Thu nhận thông tin
- B. Hiển thị thông tin
- C. Lưu trữ thông tin
- D. Xử lý thông tin

Câu 3: Dây bit là gì?

- A. Là dãy những kí hiệu 0 và 1.
- B. Là một dãy chỉ gồm chữ số 2
- C. Là âm thanh phát ra từ máy tính
- D. Là dãy những chữ số từ 0 đến 9

Câu 4: Máy tính sử dụng dây bit để làm gì?

- A. Biểu diễn các số
- B. Biểu diễn văn bản
- C. Biểu diễn hình ảnh
- D. Biểu diễn số, văn bản, hình ảnh, âm thanh

Câu 5: Vật mang tin là

- A. Thông tin
- B. Máy tính
- C. Dữ liệu
- D. Phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin

Câu 6: Có mấy loại tệp tin cơ bản?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 7: Cấu trúc lưu trữ thông tin trong máy tính là gì?

- A. Cấu trúc gốc
- B. C. Cấu trúc cành
- C. Cấu trúc hình cây
- D. Cấu trúc lá

Câu 8: Bàn phím, chuột, máy quét và webcam là những ví dụ về loại thiết bị nào của máy tính?

- A. Thiết bị ra.
- B. Thiết bị lưu trữ
- C. Thiết bị vào.
- D. Bộ nhớ.

Câu 9: Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị ra của máy tính?

- A. Micro.
- B. Máy in.
- C. Màn hình.
- D. Loa.

Câu 10: Đặc điểm nào sau đây không thuộc về máy tính?

- A. Thực hiện nhanh và chính xác.
- B. Suy nghĩ sáng tạo.
- C. Lưu trữ lớn.
- D. Hoạt động bền bỉ.

Câu 11: Trong những ứng dụng sau, ứng dụng nào không phải là ứng dụng của tin học?

- A. Hỗ trợ công tác quản lý.
- B. Tự động hóa và điều khiển.
- C. Tư duy tìm tòi, sáng tạo.
- D. Hỗ trợ giáo dục

Câu 12 Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Dữ liệu chỉ có thể được hiểu bởi những người có trình độ cao.
- B. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh
- C. Dữ liệu là những giá trị số do con người nghĩ ra.
- D. Dữ liệu chỉ có ở trong máy tính.

Câu 13: Thành phần nào không phải bộ nhớ ngoài của máy tính?

- A. USB
- B. Đĩa mềm
- C. RAM
- D. Đĩa cứng

Câu 14: Có thể dùng các cách nào để khởi động lại máy tính:

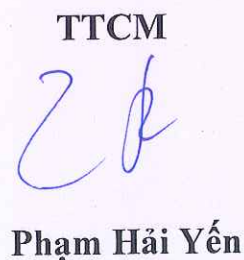
- A. Ấn nút **Reset** trên thùng máy.
- B. Vào **Start\ Turn Off Computer\ Restart.**
- C. Nhấn tổ hợp phím **Ctrl + Alt + Delete.**
- D. Tất cả các cách trên.

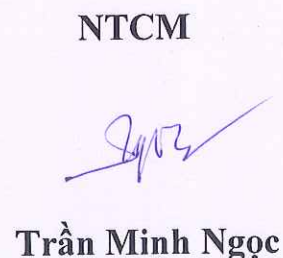
Câu 15: Nhiệm vụ nào không phải của hệ điều hành là gì?

- A. Điều khiển phần cứng
- B. Tổ chức thực hiện các chương trình máy tính.
- C. Cung cấp giao diện cho người dùng.
- D. Quản lí thông tin.

BGH duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Phạm Hải Yến

NTCM

Trần Minh Ngọc

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: TOÁN – TIN- CÔNG NGHỆ

**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ
HỌC KÌ: I – NĂM HỌC: 2022-2023**

MÔN: CÔNG NGHỆ

KHỐI: 8

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1: Em hãy nêu nội dung của bản vẽ chi tiết. Trình tự đọc bản vẽ chi tiết và nội dung cần hiểu ?

Câu 2: Cách tạo thành hình trụ, hình nón, hình cầu ?

Câu 3: Thế nào là hình cắt? Hình cắt dùng để làm gì ?

Câu 4: Thế nào là hình chóp đều, hình lăng trụ đều, hình hộp chữ nhật? Hình chiếu của hình chóp đều, lăng trụ đều, hình hộp chữ nhật?

Câu 5: Bài tập

- Làm bài 2 (SGK/54) và vẽ lại hình chiếu đứng, hình chiếu bằng và hình chiếu cạnh của các vật thể.
- Làm bài tập (SGK/10-11) bảng 2.1 và 2.1

Phần 2: Một số câu hỏi trắc nghiệm minh họa

Câu 1. Chọn phương án đúng khi nói về vị trí các hình chiếu trên bản vẽ kỹ thuật.

- A. Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng
- B. Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên trái hình chiếu đứng
- C. Hình chiếu đứng ở dưới hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu bằng
- D. Hình chiếu đứng ở dưới hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh ở bên trái hình chiếu bằng.

Câu 2. Mặt chính diện gọi là:

- A. Mặt phẳng chiếu đứng
- B. Mặt phẳng chiếu bằng
- C. Mặt phẳng chiếu cạnh
- D. Hình chiếu

Câu 3. Hình chiếu cạnh có hướng chiếu:

- A. Từ trước tới
- B. Từ trên xuống
- C. Từ trái sang
- D. Từ phải sang

Câu 4. Khối đa diện được bao bởi:

- A. Các hình chữ nhật
- B. Các hình tam giác cân
- C. Các hình trụ
- D. Các hình đa giác phẳng

Câu 5. Các mặt bên của hình chóp đều là:

- A. Các hình tam giác cân
- B. Các hình tam giác cân bằng nhau
- C. Các hình chữ nhật
- D. Các hình tam giác đều

Câu 6. Lăng trụ đều tạo bởi:

- A. Hai đáy là hai đa giác đều bằng nhau, mặt bên là các hình chữ nhật
- B. Hai đáy là hai đa giác, mặt bên là các hình chữ nhật
- C. Hai đáy là hai đa giác đều bằng nhau, mặt bên là các hình chữ nhật bằng nhau
- D. Hai đáy là hai đa giác đều bằng nhau

Câu 7. Khi quay hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh cố định, ta được:

- A. Hình trụ
- B. Hình nón
- C. Hình cầu
- D. Hình chóp

Câu 8. Hình nón được tạo thành khi ta quay hình gì một vòng quanh một cạnh cố định?

- A. Hình chữ nhật.
- C. Hình tam giác vuông.
- B. Nửa hình tròn.
- D. Hình tam giác

Câu 9. Hình biểu diễn phần vật thể ở sau mặt phẳng cắt gọi là:

- A. Hình chiếu
- B. Hình cắt
- C. Mặt phẳng cắt
- D. Vật bị cắt

Câu 10. Hình cắt theo qui định vẽ bằng nét gì?

- A. Nét liền đậm
- B. Nét chấm gạch
- C. Nét liền mảnh
- D. Nét gạch gạch

Câu 11. Trình tự đọc bản vẽ chi tiết như thế nào là đúng ?

- A. Hình biểu diễn - kích thước - khung tên - yêu cầu kỹ thuật - tổng hợp
- B. Hình biểu diễn - khung tên - kích thước - yêu cầu kỹ thuật - tổng hợp
- C. Khung tên - hình biểu diễn - kích thước - yêu cầu kỹ thuật - tổng hợp
- D. Kích thước - hình biểu diễn - khung tên - yêu cầu kỹ thuật - tổng hợp

Câu 12. Bản vẽ chi tiết bao gồm những nội dung gì ?

- A. Hình biểu diễn, khung tên
- B. Hình biểu diễn, kích thước
- C. Kích thước, yêu cầu kỹ thuật
- D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kỹ thuật

Câu 13. Nội dung cần hiểu khi đọc yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ chi tiết là:

- A. Gia công, xử lý bề mặt
- B. Công dụng của chi tiết
- C. Kích thước các phần của chi tiết
- D. Vật liệu chi tiết

Câu 14. Nội dung cần hiểu khi đọc khung tên của bản vẽ chi tiết là:

- A. Tên gọi chi tiết, vật liệu, tỉ lệ
- B. Kích thước chung của chi tiết
- C. Tên gọi hình chiếu, vị trí hình cắt
- D. Vật liệu, bản số

Câu 15. Ren trục là ren như thế nào?

- A. Là ren được hình thành ở mặt ngoài của chi tiết
- B. Là ren được hình thành ở mặt trong của chi tiết
- C. Là ren bị che khuất
- D. Là ren không nhìn thấy



BGH ký duyệt

Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Dương Thị Tươi

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: KHOA HỌC XÃ HỘI

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ I
NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: NGỮ VĂN
KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học:

a. Văn bản:

- Tôi đi học
- Trong lòng mẹ
- Tức nước vỡ bờ
- Lão Hạc

b. Tiếng Việt:

- Trường từ vựng
- Từ tượng hình, từ tượng thanh
- Trợ từ, thán từ

c. Tập làm văn: viết đoạn văn NLVH, NLXH

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Dạng 1. Câu hỏi đọc - hiểu:

- a, Tên văn bản- thể loại
- b. Nêu phương thức biểu đạt, nhân vật chính, luận điểm chính
- c. Xác định kiến thức tiếng Việt và tác dụng của việc sử dụng yếu tố đó

Dạng 2. Giải thích ý nghĩa nhan đề

Dạng 3. Viết đoạn văn cảm thụ văn bản có yêu cầu tiếng Việt

- a. Tâm trạng lão Hạc sau khi bán cậu Vàng
- b. Tình yêu thương mẹ của chú bé Hồng
- c. Tinh thần phản kháng của chị Dậu

Dạng 4. Đoạn văn liên hệ:

- a. Suy nghĩ về tình mẫu tử.
- b. Suy nghĩ vai trò của nhà trường đối với mỗi con người
- c. Suy nghĩ về tình yêu thương

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Dạng 1: Đọc hiểu

Bài tập 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

"Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường. Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng."

Câu 1: Cho biết đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả?

Câu 2: Cho biết nội dung của đoạn trích? Thể loại của văn bản chứa đoạn trích trên?

Câu 3: Chỉ ra nghệ thuật được sử dụng trong câu văn sau và phân tích tác dụng:

"Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy, nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng"?

Bài tập 2:

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

... "Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi một chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hân và bảo hân: "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn: cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào..."".

(Lão Hạc – Nam Cao, Ngữ văn 8, tập 1)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Em hãy cho biết nội dung của đoạn trích.

Câu 3. Tìm các hình ảnh miêu tả về "cái chết dữ dội của" lão Hạc.

Câu 4. Xác định từ tượng hình có trong đoạn trích? Nêu tác dụng.

Bài tập 3: Em hãy đọc đoạn trích sau và trả lời yêu cầu dưới đây:

... "Giương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường".

(Trong lòng mẹ – Nguyên Hồng, Ngữ văn 8, T1, NXB GD Việt Nam, 2011, tr.18)

Câu 1: Cho biết phương thức biểu đạt của đoạn trích trên?

Câu 2: Em hãy chỉ ra dòng cảm xúc của nhân vật "tôi" trong đoạn trích? Tại sao nhân vật "tôi" lại có cảm xúc đó?

Câu 3:

a. Tìm các từ cùng thuộc một trường từ vựng chỉ bộ phận cơ thể người

b. Tác dụng của các trường từ vựng đó.

Dạng 2. Giải thích nhan đề Túc nước vỡ bờ

Dạng 3. Viết đoạn văn cảm thụ văn bản có yêu cầu tiếng Việt

- Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu phân tích tâm trạng lão Hạc sau khi bán cậu Vàng, trong đó có sử dụng từ tượng hình, trợ từ (gạch chân và chỉ rõ)
- Viết đoạn tổng - phân - hợp khoảng 12 câu chứng minh tình yêu thương mẹ của chú bé Hồng, trong đó có sử dụng trường từ vựng, từ tượng hình (gạch chân và chỉ rõ)
- Viết đoạn văn khoảng 12 câu phân tích tinh thần phản kháng của chị Dậu trong "Túc nước vỡ bờ", trong đó có sử dụng trợ từ, từ tượng hình (gạch chân và chỉ rõ)

Dạng 4. Đoạn văn liên hệ:

- Từ văn bản "Trong lòng mẹ" và hiểu biết của mình, em hãy nêu suy nghĩ về tình mẫu tử bằng đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy.
- Từ văn bản "Tôi đi học" và hiểu biết của mình, em hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy, trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của nhà trường trong cuộc đời mỗi con người.
- Từ văn bản "Lão Hạc" và hiểu biết của mình, em hãy nêu suy nghĩ của mình về tình yêu thương trong cuộc sống bằng đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy.



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Nguyễn Thị Bình

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: XÃ HỘI

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: LỊCH SỬ
KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06.

2. Một số câu hỏi trọng tâm.

Câu 1: Trình bày hoàn cảnh, diễn biến và kết quả cuộc cách mạng tư sản Pháp ở TK XVIII?

Câu 2: Nêu những nét nổi bật về phong trào công nhân cuối TK XVIII- đầu TK XX?

Câu 3: Trình bày về cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVIII?

Câu 4: Tình hình nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ cuối TK XIX đầu TK XX có gì nổi bật?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Ở Pháp vào thế kỉ XVIII nổi lên ba nhà tư tưởng lớn, đó là những ai?

A. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Phu-ri-ê.

B. Phu-ri-ê, Ô-oen, Vôn-te.

C. Vôn-te, Rut-xô, Mông-te-xki-ơ.

D. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rut-xô.

Câu 2. Vào thế kỉ XVIII, ở Pháp mâu thuẫn nào là mâu thuẫn cơ bản nhất?

A. Mâu thuẫn giữa phong kiến, nhà thờ với các tầng lớp nhân dân trong Đảng cấp thứ ba.

B. Mâu thuẫn giữa nông dân với quý tộc phong kiến.

C. Mâu thuẫn giữa đảng cấp thứ ba với đảng cấp tăng lữ.

D. Mâu thuẫn giữa công nhân, nông dân với chế độ phong kiến.

Câu 3. Vì sao việc đánh chiếm pháo đài Ba-xi đã mở đầu cho thắng lợi của cách mạng Pháp?

A. Pháo đài Ba-xi tượng trưng cho uy quyền nhà Vua.

B. Pháo đài được xây dựng để bảo vệ thành Pa-ri.

C. Pháo đài là nơi giam cầm những người chống chế độ phong kiến.

D. Chế độ quân chủ chuyên chế bị giáng đòn đầu tiên quan trọng, cách mạng bước đầu thắng lợi và tiếp tục phát triển.

Câu 4. Cách mạng công nghiệp diễn ra vào thời gian nào?

A. Từ những năm 60 của thế kỷ XVII

B. Từ những năm 60 của thế kỷ XVIII

C. Từ những năm 80 của thế kỷ XVIII

D. Từ những năm 70 của thế kỷ XVI

Câu 5. Cách mạng công nghiệp diễn ra đầu tiên ở

A. Anh

B. Pháp

C. Đức

D. Ý

Câu 6. Quốc tế thứ hai hoạt động từ năm nào đến năm nào?

A. 1889- 1914

B. 1889- 1915

C. 1890- 1914

D. 1890- 1915

Câu 7. Ngày 6/1905 diễn ra sự kiện gì?

A. Thủy thủ chiến hạm Pô-tem-kin khởi nghĩa

B. Cuộc chiến anh dũng ở Mat-xơ-va

C. Bãi công, đả đảo chuyên chế, đả đảo chiến tranh, ngày làm 8 giờ.

D. Nông dân nổi dậy đánh phá dinh cơ của địa chủ phong kiến

Câu 8. Pháp là nước có thuộc địa lớn thứ hai thế giới sau nước nào?

A. Anh

B. Pháp

C. Mỹ

D. Đức

Câu 9. Đặc điểm của đế quốc Đức là

A. Chủ nghĩa thực dân

B. Chủ nghĩa đế quốc

C. Chủ nghĩa cho vay lãi

D. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến

Câu 10. Năm 1913 quốc gia nào đứng vị trí thứ 4 trong sản xuất ?

A. Anh

B. Pháp

C. Mỹ

D. Đức

2. Bài tập tự luận.

Câu 1: Trình bày trào lưu triết học ánh sáng ở Pháp vào thế kỉ XVIII?

Câu 2: Quốc tế thứ hai ra đời và hoạt động như thế nào?

Câu 3: Cách mạng công nghiệp ở Anh đã diễn ra như thế nào?

Câu 4: Tại sao nói “ Anh là chủ nghĩa đế quốc thực dân”?

Câu 5: Vì sao nói nước Pháp là nước “ cho vay lãi nặng”?



Nguyễn Ngọc Lan

TTTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Hán Thu Huyền

A. Kiến thức cần ôn tập

I. Châu Á

Đặc điểm tự nhiên, đặc điểm dân cư, đặc điểm kinh tế các nước châu Á

II. Các khu vực của Châu Á: Khu vực Tây Nam Á, khu vực Đông Á, khu vực Nam Á, khu vực Đông Nam Á

B. Bài tập:

I. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Lãnh thổ châu Á:

- A. kéo dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo
- B. kéo dài từ vùng Xích đạo đến vùng cực Nam
- C. kéo dài từ vùng cực Bắc đến vùng cực Nam
- D. kéo dài từ vùng cận cực Bắc đến vùng cận cực Nam

Câu 2 : Sông Trường Giang ở Đông Á chủ chạy theo hướng nào?

- A. Từ Tây sang Đông
- B. Từ Bắc xuống Nam
- C. Từ Tây Bắc xuống Đông Nam
- D. Từ Nam lên Bắc

Câu 3: Quốc gia nào có diện tích lớn nhất khu vực Đông Á?

- A. Hàn Quốc
- B. Nhật Bản
- C. Trung Quốc
- D. Triều Tiên

Câu 4. Dân số châu Á:

- A. đông nhất thế giới
- B. đứng thứ nhì thế giới
- C. đứng thứ ba thế giới
- D. ít nhất thế giới

Câu 5. Ngành công nghiệp nào sau đây phát triển nhất ở khu vực Tây Nam Á?

- A. Công nghiệp luyện kim.
- B. Công nghiệp khai thác và chế biến dầu mỏ.
- C. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
- D. Công nghiệp hóa chất

Câu 6. Dân cư Tây Nam Á chủ yếu theo đạo :

- A. Ấn Độ giáo
- B. Đạo Hồi
- C. Ki tô giáo
- D. Phật giáo.

Câu 7. Dân cư Tây Nam Á sinh sống tập trung ở :

- A. Các vùng ven biển, thung lũng có mưa
- B. Các cao nguyên rộng lớn, thoáng mát
- C. Các khu vực trung tâm
- D. Khu vực phía bắc

Câu 8. Đại bộ phận Nam Á nằm trong đới khí hậu nào?

- A. Nhiệt đới.
- B. Ôn đới
- C. Cận nhiệt
- D. Hàn đới.

Câu 9. Mặc dù có cùng vĩ độ với miền bắc Việt Nam, nhưng tại sao về mùa đông, khí hậu Nam Á lại ấm hơn so với miền bắc nước ta ?

- A. Do Nam Á không nằm trong vùng hoạt động của gió mùa Đông Bắc..
- B. Do địa hình Nam Á cao hơn so với Việt Nam.
- C. Dãy Gát Đông và Gát tây chắn khối khí lạnh từ biển xâm nhập vào đất liền.
- D. Dãy Hi-ma-lay-a ở phía bắc có tác dụng chắn khối khí lạnh từ trung Á tràn xuống.

Câu 10. Tại sao ở khu vực phía bắc Nam Á, dân cư lại phân bố thưa thớt ?

- A. Khu vực phía bắc có địa hình núi cao, giao thông không thuận lợi
- B. Khu vực phía bắc có thời tiết khắc nghiệt, khí hậu lạnh giá quanh năm.
- C. Khu vực phía bắc thường xuyên xảy ra động đất.
- D. Đây là khu vực hoang mạc, quanh năm khô hạn.

Câu 11: Quốc gia nào có kinh tế phát triển nhất khu vực Nam Á?

- A. Ấn Độ
- B. Nê-pan
- C. Pa-ki-xtan
- D. Bu-tan

Câu 12: Dãy Hi-ma-lay-a ở khu vực Nam Á chạy theo hướng nào?

- A. Nam- Bắc
- B. Bắc- Nam
- C. Tây Bắc-Đông Nam
- D. Đông Bắc-Tây Nam

Câu 13. Đồng bằng nào sau đây thuộc khu vực Đông Á ?

- A. Lưỡng Hà B. Ấn Hằng C. Hoa Bắc D. Tây xi-bia..

Câu 14. Ý nào sau đây diễn tả chính xác đặc điểm địa hình của châu Á?

- A. Nhiều núi và sơn nguyên cao, đồ sộ, nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.
B. Nhiều núi và sơn nguyên cao, đồ sộ, nhiều đồng bằng có diện tích nhỏ và trung bình.
C. Nhiều núi và sơn nguyên tương đối cao, nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.
D. Chủ yếu là núi và sơn nguyên thấp, đồng bằng nhỏ.

Câu 15. Khu vực trung tâm của châu Á có dạng địa hình nào là chủ yếu?

- A. Đồng bằng B. Núi và sơn nguyên C. Cao nguyên D. Đồi.

Câu 16. Dãy Xcan-đi-na-vi là ranh giới tự nhiên ngăn cách châu Á với châu nào?

- A. Châu Phi B. Châu Đại Dương C. Châu Âu D. Châu Nam Cực

Câu 17. Khoáng sản châu Á:

- A. Phong phú nhưng có trữ lượng nhỏ B. phong phú và có trữ lượng lớn
C. ít nhưng có trữ lượng lớn. D. ít và có trữ lượng nhỏ

Câu 18. Khoáng sản nào sau đây là khoáng sản quan trọng của châu Á?

- A. Man-gan B. Ti tan C. A-pa-tit D. Than

Câu 19: Hệ thống núi, sơn nguyên cao hiểm trở và các bồn địa rộng phân bố ở phía nào của Đông Á?

- A. Phía tây Trung Quốc B. Phía đông Trung Quốc
C. Bán đảo Triều Tiên D. Toàn bộ lãnh thổ phần đất liền

Câu 20: Phía đông phần đất liền và hải đảo của Đông Á chủ yếu thuộc kiểu khí hậu nào?

- A. Khí hậu gió mùa B. Khí hậu cận nhiệt địa trung hải
C. Khí hậu lục địa D. Khí hậu núi cao

Câu 21: Cảnh quan chủ yếu của nửa phía tây phần đất liền Đông Á là

- A. Rừng lá kim và rừng hỗn hợp B. Rừng lá kim
C. Xavan cây bụi D. Thảo nguyên khô, hoang mạc và bán hoang mạc

Câu 22. Con sông nào sau đây thuộc khu vực Nam Á ?

- A. Trường Giang B. Mê- công C. Ô-phơ-rat D. Bra-ma-put

II. Bài tập tự luận

Câu 1. Phân tích đặc điểm vị trí địa lí châu Á? Tác động của vị trí địa lí đến sự phát triển kinh tế?

Câu 2. Phân tích đặc điểm vị trí địa lí Tây Nam Á? Tác động của vị trí địa lí đến sự phát triển kinh tế?

Câu 3. Phân tích đặc điểm địa hình khu vực Nam Á?

Câu 4. So sánh đặc điểm địa hình phần đất liền và phần hải đảo của khu vực Đông Á?

Câu 5. Phân tích các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa ở châu Á?



Ban giám hiệu:

Nguyễn Ngọc Lan

Tổ trưởng CM:

Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng CM:

Hoàng Thị Liên

Giáo viên:

Nguyễn Thị Nhung

Trường THCS Ngọc Lâm

Tổ: Xã hội

**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022-2023**

MÔN: GDCD

KHỐI: 8

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06

- Tôn trọng lẽ phải
- Liêm khiết
- Tôn trọng người khác
- Giữ chữ tín,
- Pháp luật, kỷ luật
- Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là lẽ phải? Nêu biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện tôn trọng lẽ phải? Tìm 2 câu ca dao tục ngữ có nội dung về lẽ phải?

Câu 2:

a/ Thế nào là liêm khiết? Nêu biểu hiện, ý nghĩa của liêm khiết đối với cá nhân và xã hội?

b/ Để rèn luyện phẩm chất liêm khiết chúng ta cần phải làm gì? Nêu 2 câu ca dao tục ngữ có nội dung về liêm khiết?

Câu 3 :

a/ Thế nào là giữ chữ tín? Nêu biểu hiện ý nghĩa của việc giữ chữ tín đối với cá nhân và xã hội?

b/ Tìm 2 câu ca dao tục ngữ có nội dung về giữ chữ tín?

Câu 4 :

a/ Thế nào là tôn trọng người khác? Nêu biểu hiện ý nghĩa của việc tôn trọng người khác đối với cá nhân và xã hội?

b/ Tìm 2 câu ca dao tục ngữ có nội dung về tôn trọng người khác?

Câu 5: Thế nào là pháp luật, kỉ luật? Nêu ý nghĩa của pháp luật, kỉ luật đối với cá nhân và xã hội? Nêu đặc điểm, vai trò của pháp luật?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm:

Câu 1: Câu tục ngữ: Nhất tự vi sư bán tự vi sư nói đến điều gì ?

- A. Lòng tôn trọng đối với thầy giáo. B. Lòng trung thành đối với thầy giáo.
C. Lòng tự trọng đối với thầy giáo. D. Lòng vị tha đối với thầy giáo.

Câu 2: Cơ quan ban hành pháp luật là?

- A. Quốc hội. B. Nhà nước. C. Chính phủ. D. Nhân dân.

Câu 3 : Câu tục ngữ: “Phép vua thua lệ làng” nói đến yếu tố nào?

- A. Pháp luật. B. Kỉ luật. C. Chữ tín. D. Liêm khiết.

Câu 4 : Câu thành ngữ: “Giấy rách phải giữ lấy lề” nói về đức tính nào?

- A. Liêm khiết. B. Trung thực. C. Tiết kiệm. D. Cần cù.

Câu 5: Các hành động: Coi cốp trong thi cử, nói chuyện riêng trong giờ vi phạm điều gì?

- A. Vi phạm pháp luật. B. Vi phạm kỉ luật.
C. Vi phạm quy chế. D. Vi phạm quy định.

2. Bài tập:

Bài tập 1: Em sẽ làm gì nếu thấy bạn mình:

- a/ Mắc khuyết điểm hoặc vi phạm kỷ luật ?
b/ Không che giấu khuyết điểm cho em ?

Bài tập 2: Em hãy nêu những việc làm của em thể hiện việc giữ chữ tín với các đối tượng sau:

a/ Thầy cô giáo

b/ Anh em, bạn bè

Bài tập 3: Nếu chứng kiến cảnh các bạn lớp mình chế giễu, trêu chọc một bạn khuyết tật thì em sẽ làm gì?

Bài tập 4:

a/ Có người cho rằng, pháp luật chỉ cần với những người không có tính kỉ luật, tự giác. Còn đối với những người có ý thức kỉ luật thì pháp luật không cần thiết.

Quan niệm đó đúng hay sai? Tại sao?

b/ So sánh sự giống và khác nhau giữa pháp luật và kỷ luật?

Nêu 4 việc làm của em chứng tỏ em là người tuân thủ kỷ luật?



TTCM


Lưu Hoàng Trang

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ ANH – NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ I
NĂM HỌC 2022 - 2023
MÔN: ANH
KHỐI 8

PART 1: KNOWLEDGE

1. Vocabulary: Words related to the topic “Leisure activities”, “Life in the countryside”, “Peoples of Vietnam”

2. Grammar

- Tenses
- Comparative form of adjectives and adverbs
- Verbs of liking + gerunds/ to -infinitive
- Articles: a, an, the
- Question words

3. Pronunciation

- Clusters: /br/, /pr/, /bl/, /cl/, /sk/, /sp/, /st/

PART 2: EXERCISES

A/ Multiple choice

Circle the word which has a different sound in the underlined part.

- | | | | |
|---------------|-------------|--------------|--------------|
| 1. A. caused | B. promised | C. increased | D. practiced |
| 2. A. buffalo | B. disturb | C. culture | D. hurry |
| 3. A. nomadic | B. cattle | C. hard | D. activity |
| 4. A. basket | B. scenery | C. task | D. scary |
| 5. A. please | B. measure | C. bees | D. rose |

Circle the word which has a different stress pattern from the others.

- | | | | |
|-------------------|--------------|---------------|--------------|
| 6. A. ancestor | B. curious | C. heritage | D. tradition |
| 7. A. costume | B. recognize | C. convenient | D. cultural |
| 8. A. detest | B. adore | C. addict | D. visit |
| 9. A. countryside | B. custom | C. ethnic | D. nomadic |
| 10. A. nomadic | B. musical | C. fantastic | D. minority |

Circle the correct answer to complete the following sentences

11. When I have the whole free day, I prefer to the outskirts to staying in the city.
A. going B. to going C. go D. went
12. Last night, she had an dancing performance in the school festival.
A. adore B. adoring C. adored D. adorable
13. A boy buffalos is one of the typical images about the country life.
A. leading B. walking C. raising D. herding
14. I am very impressed with sarong – a traditional of the Khmer people.
A. custom B. clothing C. clothes D. costume
15. The *chapi* is a traditional of the Raglai people.
A. music instrument B. musical instrument
C. farming tool D. farming tools
16. There is festival in my village. festival is very old.
A. a – The B. a – A C. the – A D. the – The
17. She is driving too slowly, so I think she will get there than us.
A. more late B. later C. more lately D. late
18. The boys often help their parents to water from the village well.
A. gather B. collect C. give D. find
19. In the Central Highlands, the biggest and tallest house in the village is the house.
A. communication B. community C. communal D. commune
20. month is the Hoa Ban Festival of the Thai people held in?
A. When B. Which C. How many D. How often

21. *Pia* cake is a speciality of Soc Trang.

- Choose the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s)**

- A. huge B. limited C. enormous D. remote

- A. disadvantages B. strong points C. advantages D. mistakes

25. "Do you like collecting honey from beehives?" – "_____."

26. "Let's go to the paddy fields to fly kites, Tom". – "

- A. How about you?
B. What's the matter?
C. OK. It sounds good.
D. Not at all.

27. He adores to go to the parties in weekends with his close friend.

- | A | B | C | D |
|----|----|----|-----|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 5 | 6 | 7 | 8 |
| 9 | 10 | 11 | 12 |
| 13 | 14 | 15 | 16 |
| 17 | 18 | 19 | 20 |
| 21 | 22 | 23 | 24 |
| 25 | 26 | 27 | 28 |
| 29 | 30 | 31 | 32 |
| 33 | 34 | 35 | 36 |
| 37 | 38 | 39 | 40 |
| 41 | 42 | 43 | 44 |
| 45 | 46 | 47 | 48 |
| 49 | 50 | 51 | 52 |
| 53 | 54 | 55 | 56 |
| 57 | 58 | 59 | 60 |
| 61 | 62 | 63 | 64 |
| 65 | 66 | 67 | 68 |
| 69 | 70 | 71 | 72 |
| 73 | 74 | 75 | 76 |
| 77 | 78 | 79 | 80 |
| 81 | 82 | 83 | 84 |
| 85 | 86 | 87 | 88 |
| 89 | 90 | 91 | 92 |
| 93 | 94 | 95 | 96 |
| 97 | 98 | 99 | 100 |

- | A | B | C | D |
|---|---|---|---|
|---|---|---|---|

- | $\overline{A}$ | $\overline{B}$ | $\overline{C}$ | $\overline{D}$ |
|----------------|----------------|----------------|----------------|
|----------------|----------------|----------------|----------------|

- A B C D

We do honestly have a little more (1) time in summer than we do in spring. We have some weekend getaways planned over the summer. A couple of fun things for the kid away from home. This blogging and social media thing has me wrangled into about a week's worth of travel and meetings, and I wouldn't be surprised if something or things pops up soon. And for me personally I have more free time (and a great (2) less stress) than I did when I (3) in town. I go to work around 8a.m. most days on the farm. I used to be at work at 6:30a.m., and it (4) me 35 minutes to get there. When it's not time to plant or harvest, we usually work a few (5) on Saturday morning and never on Sundays. And for those farmers that also have livestock? We used to raise hogs you know. Well those animals want to eat and be healthy.

31. A. lazy B. spare C. open D. friendly
32. A. number B. amount C. deal D. of
33. A. work B. worked C. had worked D. has worked
34. A. got B. spent C. took D. cost
35. A. days B. time C. seconds D. hours

For 3,000 years, Mongolians have lived in the rural areas, adopting a pastoral way of life, moving in the search of new pastures. They depend largely on their livestock for a living and sustain themselves with what they can get from the land. Today, approximately half of Mongolia's population is still roaming the vast plains living in the ger and moving their campings several times a year. Nomadic life thrives in summer and survives in winter. When temperatures are warm, they work hard on their farms to get milk and make airag, consuming meat from their sheeps and goats. Once winter comes, temperatures dip extremely low and they stay indoors and survive on horse meat.

With the rise of technology, changes in the Mongolian nomadic lifestyle are almost inevitable. While they still lead their lifestyle as pastoral herders, many use motorbikes to herd cattle and horses. To move their homes, trucks have taken the place of ox carts. Solar panels are also becoming an addition to

the ger, giving them access to electricity without being confined to one place. The nomads use solar energy to power television sets and mobile phones.

36. Mongolians regularly move from place to place in order to _____.
A. look for food for their family
B. find pastures for their livestock
C. herd their cattle and horses
D. sell their animals and farm products
37. How many Mongolians still live a traditional nomadic life?
A. Close to 40 percent
B. More than 50 percent
C. About 50 percent
D. Approximately 60 percent
38. What is a "ger"?
A. A portable, round tent
B. A thatched house
C. A circular house made of snow
D. A wooden hut
39. Today, Mongolian nomads _____.
A. don't lead their lifestyle as herders any more
B. use ox carts to move their homes
C. use solar energy to power electronic devices
D. have the advantage of urban life
40. Which of the followings is NOT true about Mongolian nomads?
A. They live in the countryside.
B. They live by and for their livestock.
C. They work hard in winter when the temperature dip very low.
D. They are now taking advantage of technology.

B/ Writing

Make complete sentences based on the given words.

41. Jonny/ like/ play/ drum/ room/ whereas/ Kenny/ enjoy/ gym/ fitness center/ weekends.
.....

42. Drive/ city/ be/ much/ stressful/ drive/ countryside.
.....

43. People/ countryside/ seem/ have to/ work/ hard/ people/ city.
.....

44. Clothing/ the Muong women/ diversified/ that/ men.
.....

45. Muong/ be/ fourth/ largest/ ethnic minority group/ Vietnam/ Viet/ Tay/ Thai.
.....

Rewrite the following sentences based on the given words.

46. Those children really like playing rackets.

→ Those children are.....

47. Julie finds making crafts interesting (enjoy)

→ Julie enjoys.....

48. Mr. Minh is a more careful driver than Mr. Nam.

→ Mr Minh drives.....

49. My parents insists on learning another language

→ My parents want.....

50. My cousin likes listening to music better than reading books

→ My cousin prefers.....

PART III: SPEAKING

1. Talk about the activities you often do in your leisure time.
2. What do you like and don't like about life in the countryside?
3. Choose one ethnic group and talk about them.



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thùy Chi

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: Anh – Năng khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: Mĩ Thuật

KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

- Kiến thức về cách vẽ trng trí.
- Kiến thức về cách sắp xếp bố cục, hoạ tiết, hình ảnh, màu sắc trong trang trí ứng dụng.

II. Phần 2: Đề bài minh họa

Đề bài 1 Em hãy trang trí một chậu cảnh theo ý thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4 . Chất liệu màu tự chọn.

Đề bài 2: Em hãy trang trí một mặt nạ theo ý thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4 . Chất liệu màu tự chọn.

Đề bài 3: Em hãy trang trí một bìa sách với nội dung tự chọn theo ý thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4 . Chất liệu màu tự chọn.

BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

TTCM/ NTCM


Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

Trường THCS Ngọc Lâm

Tổ Anh – Năng Khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2022 – 2023

MÔN THỂ DỤC- KHỐI 8

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung: Chạy Ngắn
2. Ôn tập nội dung: Bài thể dục liên hoàn 35 động tác.

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật các động tác hỗ trợ của chạy ngắn
- Thực hiện bài thể dục phát triển chung 35 động tác, đúng nhịp, đúng biên độ, và thuộc bài .

III. Hình thức kiểm tra

- Trực tiếp tại nhà thể chất hoặc sân trường



BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

Tổ trưởng CM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM

Đinh Lý Huỳnh

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: ANH – NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2022 – 2023
MÔN: ÂM NHẠC – KHỐI 8

I, KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Ôn tập 2 bài hát:
 - Mùa thu ngày khai trường
 - Lí đĩa bánh bò
2. Ôn phần nhạc lí
 - Gam thứ - Giọng thứ
3. Tập đọc nhạc:
 - TĐN số 1, số 2

II, KỸ NĂNG – KỸ THUẬT CẦN ĐẠT

- Thực hiện đúng các yêu cầu của bài: hát đúng kỹ thuật, thuộc lời, TĐN đúng cao độ, trường độ, gõ đúng tiết tấu, nhịp phách
- Nắm vững các kiến thức về nhạc lí để sử dụng cho bài hát và bài TĐN

III, HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Thực hành: Tại phòng học của các lớp
- Kiểm tra theo nhóm hoặc từng học sinh



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thị Nhân

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: SINH HỌC
KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Nêu cấu tạo của tế bào, chức năng các thành phần của tế bào.

Câu 2: Mô là gì? Trình bày chức năng của các loại mô.

Câu 3: Thế nào là phản xạ? Lấy 5 ví dụ.

Câu 4: Phân biệt các loại khớp xương. Nêu tính chất của cơ và xương.

Câu 5: Trình bày nguyên nhân của sự mỏi cơ, các biện pháp chống mỏi cơ và rèn luyện cơ.

Câu 6: Nêu những đặc điểm bộ xương ở người tiến hóa thích nghi với dáng đứng thẳng và lao động. Nêu các biện pháp để xương và cơ phát triển cân đối.

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Phần trắc nghiệm:

Câu 1: Đặc điểm nào dưới đây giúp con người bớt lệ thuộc vào thiên nhiên?

A. Bộ não phát triển.

B. Lao động có mục đích.

C. Đi bằng hai chân.

D. Răng phân hóa.

Câu 2: Hệ cơ quan nào dưới đây có vai trò điều khiển và điều hòa hoạt động của các hệ cơ quan khác trong cơ thể?

1. Hệ hô hấp

2. Hệ sinh dục

3. Hệ nội tiết

4. Hệ tiêu hóa

5. Hệ thần kinh

6. Hệ vận động

A. 1,2,3

B. 3,5

C. 1,3,5,6

D. 2,4,6

Câu 3: Khi nói về mô, nhận định nào dưới đây là đúng?

A. Các tế bào trong một mô không phân bố tập trung mà nằm rải rác khắp cơ thể.

B. Chưa biệt hóa về cấu tạo về chức năng.

C. Gồm những tế bào đảm nhiệm những chức năng khác nhau.

D. Gồm những tế bào có cấu tạo giống nhau.

Câu 4: Trong phản xạ rút tay khi chạm vào vật nóng thì trung tâm xử lý thông tin nằm ở đâu?

A. Bán cầu đại não

B. Tủy sống

C. Tiểu não.

D. Trụ giữa

Câu 5: Loại khớp nào dưới đây không có khả năng cử động?

A. Khớp giữa xương đùi và xương cẳng chân.

B. Khớp giữa các xương hộp sọ.

C. Khớp giữa các đốt sống.

D. Khớp giữa các đốt ngón tay.

Câu 6: Trong cử động gập cánh tay, các cơ ở hai bên cánh tay thực hiện:

A. co duỗi ngẫu nhiên.

B. Co duỗi đối kháng.

C. cùng co.

D. Cùng duỗi.

Câu 7: Ở xương dài của trẻ em, bộ phận nào có chứa tủy đỏ?

A. Mô xương xốp và khoang xương.

B. Mô xương cứng và mô xương xốp.

C. Khoang xương và màng xương.

D. Màng xương và sụn bọc đầu xương.

Câu 8: Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở bộ xương người mà không có ở lớp Thú?

A. Cột sống cong hình cung.

B. Bàn chân phẳng, xương gót nhỏ.

C. Bàn chân hình vòm, xương gót lớn.

D. Xương chậu hẹp.

Câu 9: Sự khác biệt trong hình thái, cấu tạo của bộ xương người và bộ xương thú chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

A. Tư thế đứng thẳng và quá trình lao động

B. Sống trên mặt đất và cấu tạo của bộ não

C. Tư thế đứng thẳng và cấu tạo của bộ não

D. Sống trên mặt đất và quá trình lao động

Câu 10: Loại xương nào dưới đây được xếp vào nhóm xương dài?

A. Xương hộp sọ.

B. Xương cánh chậu.

C. Xương đốt sống.

D. Xương đùi.

2. Phần tự luận:

Câu 1. Nêu các bước tiến hành sơ cứu và băng bó cho người gãy xương.

Câu 2. a, Nêu khái niệm phản xạ. Lấy ví dụ minh họa về phản xạ.

b, Nêu các thành phần cấu tạo của 1 cung phản xạ.

Câu 3. Liên hệ thực tế, giải thích 1 số hiện tượng sau:

a, Vì sao tế bào được coi là đơn vị cấu trúc và chức năng của cơ thể?

b, Vì sao mô máu và mô mỡ lại được xếp vào mô liên kết?

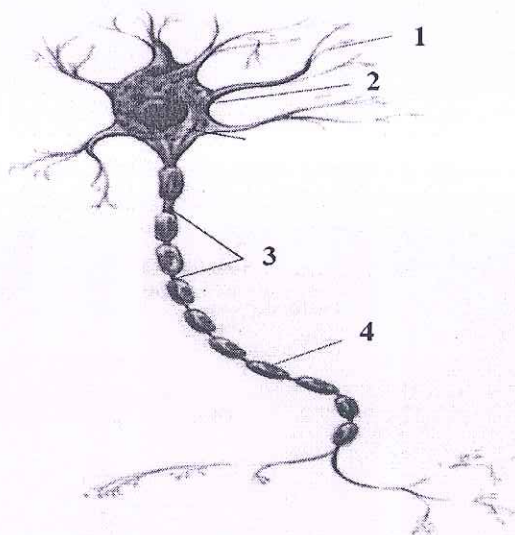
c, Vì sao xương động vật được hầm (đun sôi lâu) thì bở?

d, Tại sao ở người già xương thường giòn và dễ gãy?

e, Tại sao học sinh ngồi học không đúng tư thế lâu ngày sẽ bị cong vẹo cột sống?

f, Tại sao lứa tuổi thanh thiếu niên lại cần chú ý rèn luyện, giữ gìn để bộ xương phát triển cân đối?

Câu 4. a, Chú thích hình ảnh sau:



b, Trình bày cấu tạo và chức năng của noron thần kinh.

Câu 5. Trình bày nguyên nhân và biện pháp chống mỏi cơ.



Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM

Đỗ Minh Phụng

NTCM

Hoàng Thị Khuyên

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2022 – 2023
MÔN: VẬT LÝ – KHỐI: 8

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến hết tuần 7

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là chuyển động cơ học?

Câu 2: Nêu ý nghĩa độ lớn của vận tốc. Viết công thức và đơn vị vận tốc.

Câu 3: Thế nào là chuyển động đều, chuyển động không đều? Công thức tính vận tốc trung bình trong chuyển động không đều.

Câu 4: Nêu cách biểu diễn 1 lực.

Câu 5: Nêu đặc điểm và tác dụng của hai lực cân bằng. Quán tính là gì?

Câu 6: Lực ma sát xuất hiện khi nào? Lợi ích và tác hại của lực ma sát? Cách làm tăng, giảm lực ma sát?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Chuyển động là

- A. sự thay đổi theo thời gian của một vật.
- B. sự thay đổi khoảng cách của vật theo thời gian so với vật mốc.
- C. sự thay đổi vị trí của một vật theo thời gian so với vật mốc.
- D. khoảng cách giữa vật và vật mốc theo thời gian.

Câu 2 : Dạng chuyển động của quả dừa rơi từ trên cây xuống là

- A. chuyển động cong.
- B. chuyển động thẳng
- C. chuyển động tròn.
- D. vừa chuyển động cong vừa chuyển động tròn.

Câu 3. Một xe chuyển động trên quãng đường S_1 trong thời gian t_1 , sau đó tiếp tục chuyển động quãng đường S_2 trong thời gian t_2 . Công thức tính vận tốc trung bình của xe chạy trên cả quãng đường này là gì?

- A. $v_{tb} = \frac{S_1 + S_2}{t_1 + t_2}$
- B. $v_{tb} = \frac{S_1}{t_1} + \frac{S_2}{t_2}$
- C. $v_{tb} = \frac{S_1}{t_1}$
- D. $v_{tb} = \frac{S_2}{t_2}$

Câu 4. Lực là một đại lượng vector vì

- A. lực là một đại lượng có đơn vị.
- B. lực là một đại lượng có thể đo được.
- C. có thể so sánh lực này lớn hơn hay nhỏ hơn lực kia.
- D. lực không chỉ có độ lớn, mà còn có điểm đặt, phương, chiều.

Câu 5. An đèo Bình đi học bằng xe đạp. Đang đi trên đường, đột nhiên An tăng tốc, Bình thấy người bị ngã về phía sau là do

- A. ma sát.
- B. quán tính.
- C. khối lượng.
- D. lực cản.

Câu 6. Khi chiếc quạt trần đang chạy thì

- A. trần nhà chuyển động so với cánh quạt.
- B. bầu quạt đứng yên so với cánh quạt.
- C. cánh quạt đứng yên so với Trái Đất.
- D. đầu cánh quạt đứng yên so với trục đỡ.

- Câu 7.** Chuyển động nào sau đây là chuyển động đều?
- A. Chuyển động của Trái Đất quay quanh Mặt Trời.
 - B. Chuyển động của hòn bi lăn xuống dốc.
 - C. Chuyển động của xe máy khi phanh gấp.
 - D. Chuyển động của tàu hỏa đi từ Hà Nội vào Đà Nẵng.
- Câu 8.** Trường hợp nào sau đây có lực ma sát trượt?
- A. Bánh xe bắt đầu lăn bánh khi bị đạp đi.
 - B. Bánh xe đạp lăn từ từ rồi dừng lại.
 - C. Bánh xe đạp bị phanh dừng lại.
 - D. Bánh xe quay khi xe đạp bị dựng ngược để thợ cân lại vành bánh xe.
- Câu 9.** Hai lực cân bằng là hai lực:
- A. cùng phương, ngược chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.
 - B. cùng phương, cùng chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.
 - C. cùng phương, ngược chiều, khác nhau về độ lớn và tác dụng vào cùng một vật.
 - D. cùng phương, ngược chiều, cùng độ lớn và tác dụng vào cùng hai vật khác nhau.
- Câu 10.** Một chiếc bè thả trôi trên sông, có một người đang nằm trên bè. Nhận xét nào sau đây đúng?
- A. Chiếc bè chuyển động so với dòng nước.
 - B. Chiếc bè đứng yên so với bờ sông.
 - C. Người đó đứng yên so với dòng nước.
 - D. Dòng nước chuyển động so với người.

2. Bài tập tự luận

Dạng 1: bài tập chuyển động

Bài 1: Một ô tô chuyển động từ Hà Nội đến Hải Phòng trong thời gian 2,5h. Biết quãng đường từ Hà Nội đến Hải Phòng dài 120km. Tính vận tốc trung bình của ô tô ra km/h và m/s ?

Bài 2 : Nam đạp xe lên dốc dài 100m với vận tốc 2 m/s , sau đó lại xuống dốc dài 140m trong thời gian 30s. Vận tốc trung bình của Nam trong cả quãng đường là bao nhiêu?

Bài 3: Ô tô đi hết quãng đường 18km trong thời gian 30 phút, người đi xe máy đi hết quãng đường 6km trong 20 phút, tàu hỏa trong thời gian 10 giây đi được 140m.

- a. Hãy sắp xếp theo thứ tự từ chậm nhất đến nhanh nhất của 3 xe trên.
- b. Tính thời gian ô tô, xe máy, tàu hỏa đi hết quãng đường 80 km.

Dạng 2 : Bài tập biểu diễn lực – lực ma sát.

Bài 1: 4.5 (SBT)

Bài 2: 4.10 (SBT)

Bài 3: Một cái hộp sắt có khối lượng 5 kg nằm im trên mặt bàn nằm ngang.

- a. Có những lực nào tác dụng vào chiếc hộp, tính độ lớn của các lực đó.
- b. Biểu diễn các lực tác dụng lên hộp sắt theo tỉ lệ xích tùy chọn.

Bài 4: 6.12 (SBT)



Tổ trưởng chuyên môn

Đỗ Minh Phượng

Nhóm trưởng

Nguyễn Thu An

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: a. Vì sao có thể nói: Ở đâu có vật thể là ở đó có chất?

Nêu ví dụ hai vật thể tự nhiên, hai vật thể nhân tạo?

b. Kể tên một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp?

Câu 2: Nguyên tử là gì? Nêu đặc điểm cấu tạo của hạt nhân nguyên tử?

Câu 3: Nêu định nghĩa, phân loại, đặc điểm cấu tạo của đơn chất và hợp chất?

Câu 4: Phân tử là gì? Nêu cách tính phân tử khối của các chất?

Câu 5: Viết công thức hóa học dạng chung của đơn chất và hợp chất? Nêu ý nghĩa của công thức hóa học?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:

Câu 1 (Nhận biết): Cụm từ nào sau đây gồm các từ đều chỉ chất?

A. Chất dẻo, than chì, thuốc kẻ

B. Ấm nhôm, dây điện, đồng

C. Bút chì, nước, túi nilon

D. Muối ăn, kẽm, đường

Câu 2 (Nhận biết): Chất tinh khiết là chất

A. có lẫn ít tạp chất.

B. có lẫn nhiều tạp chất.

C. có tính chất không thay đổi

D. có tính chất thay đổi

Câu 3 (Nhận biết): Thành phần cấu tạo của nguyên tử gồm:

A. proton, nơtron

B. proton, nơtron và electron

C. proton, electron

D. nơtron và electron

Câu 4 (Nhận biết): Hợp chất là chất

A. tạo nên từ một nguyên tố hóa học

B. tạo nên từ một nguyên tố hóa học trở lên

C. tạo nên từ hai nguyên tố hóa học

D. tạo nên từ hai nguyên tố hóa học trở lên

Câu 5 (Thông hiểu): Cách viết 5N có ý nghĩa gì?

A. 5 nguyên tố Natri

B. 5 nguyên tử Natri

C. 5 nguyên tố Nitơ

D. 5 nguyên tử Nitơ

Câu 6 (Thông hiểu): Dùng phương pháp nào sau đây để tách riêng muối ăn ra khỏi hỗn hợp nước muối?

A. Chung cất

B. Làm bay hơi

C. Chiết

D. Lọc

Câu 7 (Thông hiểu): Chất nào sau đây là hợp chất?

A. Oxi (O_2)

B. Nước (H_2O)

C. Clo (Cl_2)

D. Sắt (Fe)

Câu 8 (Vận dụng): Hợp chất nhôm sunfat có công thức hóa học là $Al_2(SO_4)_3$. Hợp chất có phân tử khối là

A. 242 đvC

B. 342 đvC

C. 432 đvC

D. 324 đvC

Câu 9 (Vận dụng): Hợp chất X có phân tử gồm 2 nguyên tử sắt và 3 nguyên tử oxi. Công thức hóa học của X là

A. Fe_2O_3

B. $2Fe_3O$

C. Fe_3O_2

D.

Fe_2O_3

Câu 10 (Vận dụng cao): Cho $m_C = 1,9926 \cdot 10^{-23}$ gam. Khối lượng của nguyên tử nhôm tính theo đơn vị gam là

A. $3,819 \cdot 10^{-23}$ gam

B. $3,985 \cdot 10^{-23}$ gam

C. $4,483 \cdot 10^{-23}$ gam

D. $4,649 \cdot 10^{-23}$ gam

2. BÀI TẬP TỰ LUẬN:

Câu 1: Viết công thức hóa học và tính phân tử khối của các chất sau:

a. Canxi oxit, biết trong phân tử có 1 Ca và 1 O

b. Amoniac, biết trong phân tử có 1 N và 3 H

c. Axit clohidric, biết trong phân tử có 1 H và 1 Cl

d. Natri sunfat, biết trong phân tử có 2 Na, 1 S và 4 O

Câu 2: Một hợp chất có phân tử gồm 1 nguyên tử X liên kết với 3 nguyên tử O và nặng gấp 5 lần nguyên tử oxi.

a. Tính phân tử khối của hợp chất.

b. Tính nguyên tử khối của X, cho biết tên và KHHH của nguyên tố X.

Câu 3: Một nguyên tử M có số hạt nơtron nhiều hơn số hạt proton là 1 và có số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 10.

a. Xác định số hạt p, n, e của nguyên tử M.

b. Cho biết tên và KHHH của M.



Nguyễn Thị Thu Hằng

TTCM/ NTCM

Đỗ Minh Phương

I. PHẠM VI ÔN TẬP:

Toàn bộ nội dung đã học từ tuần 1 đến tuần 6.

II. NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Bài 1:

- Từ vựng (trang 175, 176 – Sách giáo khoa)

- Chữ hán: 休、手、名

- Ngữ pháp:

- Vてください
- Nで (chỉ phương tiện, vật liệu)
- Q: もう Vましたか。
A: はい、もう Vました。／いいえ、まだです。

2. Bài 2:

- Từ vựng (trang 176, 177 – Sách giáo khoa)

- Chữ hán: 食、長

- Ngữ pháp:

- Q: Vてもいいですか。
A: はい、いいです (よ)。／いいえ、だめです。
- ～に ～を かきます。
- ～まい

III. BÀI TẬP VẬN DỤNG:

Bài 1: Hoàn thành bảng từ vựng sau:

STT	ベトナムご	日本ご
1.	Chờ đợi	
2.		すわります
3.	Đã	
4.	Chưa	
5.	Chạy	
6.	Đúng	
7.		こたえ
8.	Nói chuyện	
9.	Vẽ/viết	
10.		ことば

11.	~ tò (dùng để đếm vật mỏng)	
12.	Không được	
13.	Máy ảnh	
14.		けいじばん
15.	Hiếu	
16.		ぶんかさい
17.		うけつけ
18.		でんわばんごう
19.		おりがみ
20.	Cố gắng	

Bài 2: chọn phương án ứng với cách đọc hoặc cách viết chữ Hán được gạch chân:

- マイさんは 食どうにいます
A. しょく B. そく C. そうじ D. しょく
- はやく休んでください。
A. しんで B. やすんで C. のんで D. およいで
- このひとは ゆうめいですよ。
A. 長い B. 高い C. 有名 D. 白い
- サッカーが 上手ではありません。
A. なまえ B. へた C. ちず D. じょうず
- なまえをかいてください。
A. 名前 B. 下手 C. 人 D. 手
- さかなを食べます。
A. の B. た C. き D. し
- アンさんは か手です。
A. しゅ B. しゅう C. しゆ D. しゅう
- このひとは ながいです。
A. 長い B. 高い C. 白い D. 日
- ミンさんは ピアノが 下手です。

A. あかい

B. じょうず

C. やすい

D. へた

Bài 3: Hoàn thành bảng chia động từ sau

STT	Vます	Vて
1.	あげます	
2.	いいます	
3.	おぼえます	
4.	かします	
5.	がんばります	
6.	しにます	
7.	すわります	
8.	だします	
9.	たちます	
10.	とります	
11.	はなします	
12.	まちます	
13.	やすみます	
14.	かきます	
15.	かります	
16.	けします	
17.	つかいます	
18.	でます	
19.	わかります	
20.	いきます	
21.	おきます	
22.	べんきょうします	
23.	のみます	
24.	来ます	
25.	かえります	

Bài 4: Chọn phương án đúng nhất:

1. おとうさんは じてんしゃ () おかしやへ 行きます。

- A. は B. が C. の D. で

2. テスト () なまえと クラスを かきます。

- A. に B. の C. で D. と

3. もう ひらがなを () か。

- A. おぼえます B. おぼえません C. おぼえました D. おぼえて

4. ともだち () はなしてもいいですか。

- A. と B. に C. を D. の

5. M: きっぷは 1まい () ですか。

N: 10,000 ドンです。

- A. なんさい B. いくら C. だれ D. どこ

6. えはがき () 5まい ください。

- A. を B. は C. の D. で

7. ほんを () ください。

- A. あけて B. あけます C. あけました D. あけません

8. トイレへ () もいいですか。

- A. 行って B. 行きました C. 行きません D. 行きます

9. Q: そとへ () 。

P: はい、どうぞ。

- A. でしたか B. でてください C. ですか D. でもいいですか

10. M: そこに () を かきますか。

N: すきなものを かいてください。

- A. なに B. だれ C. なんの D. なんさい

Bài 5: Hãy sắp xếp các câu sau và chọn vị trí tương ứng với dấu ★

1. ここ _____ ★ _____ ください。

- A. を B. じゅうしょ C. に D. かいて

2. A: ペン _____ ★ _____ ですか。

B: はい、どうぞ

- A. も B. かりて C. いい D. を

3. その ★ _____ ください。

- A. を B. よん C. かんじ D. で

4. らいしゅうから ★ _____ ください。

- A. いて B. あるいて C. へ D. がっこう

5. ジュース _____ ★ _____ か。

- A. を B. いいです C. のんで D. も

Bài 6: Đọc đoạn hội thoại sau và chọn phương án đúng:

うけつけ : じゃあ、1) _____ なまえを かいてください。

ラン : はい。あのう、ペンで かいてもいいですか。

うけつけ : いいえ、2) _____ です。えんぴつで かいてください。

ラン : そうですか。

3) _____、えんぴつを かりてもいいですか。

うけつけ : はい、どうぞ。

ラン : ありがとうございます。

1.

- A. ここは B. ここに C. ここで D. こども

2.

- A. まだ B. もう C. だめ D. ちょっと

3.

- A. ありがとう B. すみませんが C. でも D. そして

-----HẾT-----

GVBM

Lương Thị Bích Ngọc

Nhóm trưởng

Lương Thị Bích Ngọc

BGH duyệt



Nguyễn Ngọc Lan